

QUY ĐỊNH

**về quản lý cán bộ, phân cấp quản lý cán bộ
và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
 - Căn cứ Quy định số 80-QĐ/TW, ngày 18/8/2022 của Bộ Chính trị khoá XIII về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử;
 - Căn cứ Quy định số 41-QĐ/TW, ngày 03/11/2021 của Bộ Chính trị khoá XIII về việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ;
 - Căn cứ Quy định số 58-QĐ/TW, ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị khoá XIII một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng;
 - Căn cứ Thông báo số 20-TB/TW, ngày 08/9/2022 của Bộ Chính trị khoá XIII kết luận về chủ trương bố trí công tác đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý sau khi bị kỷ luật;
 - Căn cứ Kết luận số 35-KL/TW, ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị khoá XIII về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở;
 - Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy và Thường trực Thành ủy khóa XVII, nhiệm kỳ 2020-2025;
 - Xét đề nghị của Ban Thường vụ Thành ủy,
- Thành ủy Hà Nội ban hành quy định về quản lý cán bộ, phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm, thẩm quyền trong quản lý cán bộ và nguyên tắc, trách nhiệm, thẩm quyền, tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục, quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác cán bộ, miễn nhiệm, cho từ chức, bố trí cán bộ sau khi miễn nhiệm, từ chức.
2. Quy định này áp dụng đối với Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy; các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị Thành phố.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Tiếp tục cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng; bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, công khai, minh bạch trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ.

2. Bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất, tổng thể, liên thông trong công tác cán bộ của hệ thống chính trị; đánh giá cán bộ khách quan, công tâm; lựa chọn và bố trí đúng cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

3. Tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy; nâng cao hiệu quả công tác quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của Thành phố đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Điều 3. Nguyên tắc

1. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ:

1.1. Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy cụ thể hóa đường lối, chủ trương, chính sách cán bộ của Trung ương Đảng và Nhà nước phù hợp với điều kiện cụ thể của Thành phố. Đề ra chủ trương, chính sách, tiêu chuẩn, quy chế, quy định về công tác cán bộ và lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thông qua các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

1.2. Thành ủy chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị; thống nhất lãnh đạo và trực tiếp quản lý đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý.

1.3. Thành ủy phân công, phân cấp, đồng thời thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện công tác quản lý cán bộ, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị.

2. Bảo đảm thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định, đồng thời phát huy đầy đủ trách nhiệm cá nhân, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ.

2.1. Những vấn đề về đường lối, chủ trương, chính sách và công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức, đình chỉ chức vụ, điều động, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác cán bộ, miễn nhiệm, cho từ chức, bố trí cán bộ sau khi miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật cán bộ phải do tập thể cấp ủy và tổ chức đảng có thẩm quyền thảo luận dân chủ, quyết định theo đa số. Trường hợp ý kiến của người đứng đầu và ý kiến của tập thể cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị khác nhau thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2.2. Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các cấp ủy đảng, các cơ quan, đơn vị và người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm đề xuất và tổ chức thực hiện các quyết định của cấp có thẩm quyền về cán bộ và công tác cán bộ trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

2.3. Cán bộ, đảng viên phải nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết, quyết định của cấp ủy, tổ chức đảng; cấp ủy cấp dưới phải chấp hành quyết định của cấp ủy cấp trên về cán bộ và công tác cán bộ.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÁN BỘ

Điều 4. Nội dung quản lý cán bộ

Trong Quy định này, quản lý cán bộ bao gồm các nội dung chính sau:

1. Phân cấp quản lý cán bộ.
2. Đánh giá cán bộ.
3. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.
4. Tuyển chọn, bổ trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác; phong, thăng quân hàm; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức đối với cán bộ.
5. Khen thưởng, kỷ luật cán bộ.
6. Thực hiện chế độ, chính sách cán bộ.
7. Kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ.
8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác cán bộ.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý và quyết định đối với cán bộ

1. Thành ủy định hướng hoặc quyết định những chủ trương, vấn đề về công tác cán bộ và cán bộ theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy và Thường trực Thành ủy.

2. Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, trực tiếp quyết định một số khâu trong nội dung quản lý cán bộ đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý; đồng thời phân công, phân cấp cho các cấp ủy, tổ chức đảng quản lý, trực tiếp quyết định một số khâu khác và các chức danh cán bộ khác.

3. Cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ công tác, sinh hoạt đảng ở địa phương, cơ quan, đơn vị, trong đó có cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý và chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về phạm vi được phân cấp, ủy quyền trong quản lý cán bộ.

4. Trường hợp một người đồng thời đảm nhiệm nhiều chức vụ thuộc thẩm quyền quản lý của các cấp khác nhau thì cấp quản lý chức vụ cao nhất xem xét, quyết định.

5. Cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát, lấy phiếu tín nhiệm theo quy định; xem xét, quyết định hoặc đề nghị khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; cho từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ được phân cấp quản lý hoặc trong phạm vi được phân công phụ trách.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố

1. Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương về công tác cán bộ và cán bộ tại Đảng bộ Thành phố.
2. Thảo luận, biểu quyết về định hướng xây dựng Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố nhiệm kỳ mới và phương án nhân sự đề báo cáo Bộ Chính trị và trình Đại hội.
3. Biểu quyết giới thiệu, trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư về nhân sự tại chỗ ứng cử các chức danh Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố. Chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, giới thiệu bầu Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy.
4. Căn cứ quy định của Trung ương, quyết định số lượng Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy; điều chỉnh cơ cấu Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy ngoài cơ cấu được Bộ Chính trị xác định theo quy định hoặc phê duyệt.
5. Bầu Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; bầu Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy.
6. Giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc nhân sự được đề nghị chỉ định vào Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố.
7. Giới thiệu nhân sự để Hội đồng nhân dân Thành phố bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.
8. Tham gia ý kiến đối với nhân sự giới thiệu để Hội đồng nhân dân Thành phố bầu giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trước khi Ban Thường vụ Thành ủy quyết định giới thiệu để Hội đồng nhân dân Thành phố bầu.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thường vụ Thành ủy

1. Quyết định phân công công tác đối với các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy.
2. Trên cơ sở đề nghị của Thường trực Thành ủy, thảo luận và quyết định:
 - Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ nêu tại Mục I, Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này.
 - Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ nêu tại Mục II, Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này. Trình Ban Bí thư xem xét, quyết định phân công, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh cán bộ nêu tại Mục II, Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này.

- Quyết định phê duyệt quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy và các chức danh cán bộ khác thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Thành ủy. Trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Tổ chức Trung ương phê duyệt quy hoạch các chức danh Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Chuẩn bị đề Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố xem xét, đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các ban Đảng Trung ương giới thiệu nhân sự ứng cử các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố. Chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, giới thiệu bầu Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy.

- Đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư công tác tại Đảng bộ Thành phố.

3. Chuẩn bị, trình Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố về đề án, phương án nhân sự Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ủy ban Kiểm tra Thành ủy nhiệm kỳ mới.

4. Quyết định việc phân cấp quản lý cán bộ đối với ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo (nơi không có ban cán sự đảng, đảng đoàn) ở các cơ quan, ban, ngành Thành phố; đối với cấp ủy quận, huyện, thị xã và đảng bộ trực thuộc Thành ủy.

5. Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Thành ủy.

6. Chỉ định cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư quận, huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Thành ủy khi có sự thay đổi về tổ chức (thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập). Khi cần thiết, chỉ định đảng viên tham gia cấp ủy và giữ các chức vụ ủy viên thường vụ, bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, giao quyền bí thư quận, huyện, thị ủy và đảng ủy trực thuộc Thành ủy.

7. Tham gia ý kiến về một số nội dung trong quản lý cán bộ (đánh giá, quy hoạch, bố trí, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật), với Quân ủy Trung ương về nhân sự Tư lệnh, Chính ủy, Phó Tư lệnh, Phó Chính ủy Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; với Đảng ủy Công an Trung ương về nhân sự Giám đốc, Phó Giám đốc Công an Thành phố; với Ban cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về nhân sự Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố; với Ban cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao về nhân sự Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố. Cho ý kiến về nhân sự dự kiến điều động, luân chuyển về Thành phố (nếu có) khi có yêu cầu của Trung ương.

8. Cho ý kiến về cơ cấu đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố; quyết định cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý ứng cử Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân Thành phố và Hội đồng nhân dân các cấp.

9. Quyết định đánh giá, xếp loại hằng năm đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý.

10. Kết luận và bố trí đối với cán bộ, đảng viên thuộc diện quản lý có vấn đề chính trị cần xem xét.

11. Ủy quyền cho Thường trực Thành ủy xem xét, quyết định một số nội dung về công tác tổ chức, cán bộ nêu tại Điều 8 Quy định này.

12. Xem xét, cho ý kiến bằng văn bản trước khi trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với cá nhân diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy và Thường trực Thành ủy.

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của Thường trực Thành ủy

1. Quyết định thẩm tra, xác minh những cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý khi có vấn đề cần xem xét về chính trị và một số vấn đề quan trọng khác về cán bộ (*bằng cấp, học hàm, học vị, độ tuổi, tài sản, thu nhập...*) để đưa ra Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, kết luận theo quy định của Bộ Chính trị.

2. Cho chủ trương thực hiện quy trình bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách các chức danh cán bộ diện Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy quản lý trước khi trình Ban Thường vụ Thành ủy, Thành ủy cho ý kiến.

3. Cho ý kiến về đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền quản lý của đảng đoàn, ban cán sự đảng các cơ quan nhà nước hoặc các tổ chức quần chúng trên địa bàn Thành phố đối với các trường hợp mà các tổ chức đảng thấy cần phải xin ý kiến Thường trực Thành ủy trước khi quyết định.

4. Chỉ đạo cán bộ kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của Đảng và Nhà nước.

5. Chỉ đạo tổ chức tuyển chọn đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý để trình Ban Thường vụ Thành ủy quyết định theo quy định của Đảng và Nhà nước.

6. Tham gia ý kiến với ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan Trung ương (nếu có) về một số nội dung trong quản lý cán bộ (đánh giá, quy hoạch, bố trí, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật) đối với cấp trưởng, cấp phó các cơ quan, đơn vị cấp Thành phố thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của ngành dọc công tác và sinh hoạt đảng tại Đảng bộ Thành phố (*trừ cấp trưởng, cấp phó của Bộ Tư lệnh Thủ đô, Công an Thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố, Tòa án nhân dân Thành phố*); cho ý kiến về việc xét phong hoặc thăng quân hàm cấp tướng đối với cán bộ thuộc Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Công an Thành phố, nhân sự bổ nhiệm thẩm phán Tòa án nhân dân Thành phố, kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố (nếu có) khi có yêu cầu.

7. Xem xét kết quả bầu cử và quyết định chuẩn y danh sách ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư; uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra và các chức danh bầu bổ sung của quận, huyện, thị uỷ và đảng uỷ trực thuộc Thành uỷ. Chỉ định bổ sung cấp uỷ viên, uỷ viên đảng đoàn, uỷ viên ban cán sự đảng theo đề nghị của cấp uỷ, đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc đúng với quy định của Điều lệ Đảng.

8. Khi cần thiết giao phụ trách các đảng bộ trực thuộc Thành uỷ; giao phụ trách, điều hành các ban Đảng Thành uỷ, Văn phòng Thành uỷ, Báo Hànộimới, Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong.

9. Quyết định việc thực hiện chế độ và chính sách tiền lương; việc đi học tập, công tác ở trong nước và nước ngoài đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý.

10. Gợi ý kiểm điểm đối với tập thể cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc và cá nhân cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý khi thấy cần thiết.

11. Chuẩn bị đề Ban Thường vụ Thành uỷ xem xét, cho ý kiến trước khi trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với cá nhân diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ban Thường vụ Thành uỷ và Thường trực Thành uỷ.

12. Xem xét, quyết định trao tặng danh hiệu “Công dân Thủ đô ưu tú”, “Công dân danh dự Thủ đô”.

13. Chỉ đạo công tác chăm sóc sức khỏe và thực hiện các chính sách cán bộ có liên quan khác đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý theo đúng chế độ, chính sách quy định.

Những công việc được uỷ quyền nêu trên, nếu có vấn đề phức tạp hoặc khi xét thấy cần thiết thì Thường trực Thành uỷ xin ý kiến Ban Thường vụ Thành uỷ trước khi quyết định.

Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của đảng đoàn, ban cán sự đảng

1. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân Thành phố

1.1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Thành uỷ việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

1.2. Thảo luận, quyết nghị đề xuất với Thường trực, Ban Thường vụ Thành uỷ xem xét, quyết định việc đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ

quản lý trong phạm vi phụ trách, bao gồm: Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố, Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố (sau khi xin ý kiến đồng chí Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố); Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, trưởng ban, phó trưởng ban Hội đồng nhân dân Thành phố; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Thư ký đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố; nhân sự chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân quận, huyện, thị xã; Bí thư, Phó Bí thư (nếu cần), ủy viên Đảng đoàn Hội đồng nhân dân Thành phố.

1.3. Đề xuất Thường trực Thành ủy về chủ trương công tác cán bộ đối với các chức danh, chức vụ trong phạm vi phụ trách tại Điểm 1.2 Điều này.

1.4. Đề xuất với Ban Thường vụ Thành ủy phương án, cơ cấu, thành phần đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố khóa tiếp theo để chuẩn bị cho cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố.

1.5. Thảo luận, quyết nghị đề Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định tuyển chọn, đánh giá, phân công công tác đối với chức danh Ủy viên hoạt động chuyên trách của Hội đồng nhân dân Thành phố.

1.6. Xem xét, thống nhất đề Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố giao phụ trách, điều hành các ban Hội đồng nhân dân Thành phố, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố khi khuyết thiếu người đứng đầu.

1.7. Khi cần thiết, triệu tập đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố là đảng viên để quán triệt tinh thần chỉ đạo của Trung ương, Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về một số chủ trương, lĩnh vực quan trọng của Đảng đối với Hội đồng nhân dân thông qua sử dụng quyền của đại biểu Hội đồng nhân dân mà đảng viên gương mẫu thực hiện và lãnh đạo.

2. Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố

2.1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Thành ủy về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định của Trung ương, Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

2.2. Thảo luận, quyết nghị đề xuất với Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định việc đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý trong phạm vi phụ trách, bao gồm: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Thư ký đồng chí Phó Bí thư Thành ủy,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; cấp trưởng, cấp phó các sở, ban, ngành và tương đương; chủ tịch hội đồng thành viên, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc các tổng công ty trực thuộc Thành phố; chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng trường, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng trực thuộc Thành phố; nhân sự chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; Bí thư, Phó bí thư (nếu cần), ủy viên Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố.

2.3. Đề xuất Thường trực Thành ủy về chủ trương công tác cán bộ đối với các chức danh, chức vụ trong phạm vi phụ trách tại Điểm 2.2 Điều này.

2.4. Thảo luận, quyết nghị để Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định các nội dung công tác cán bộ đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý, bao gồm: thành viên hội đồng thành viên, kế toán trưởng, kiểm soát viên các tổng công ty trực thuộc Thành phố; chủ tịch hội đồng thành viên, chủ tịch công ty, thành viên hội đồng thành viên, tổng giám đốc (giám đốc), phó tổng giám đốc (phó giám đốc), kiểm soát viên, kế toán trưởng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trực thuộc Thành phố; người đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần có vốn góp của nhà nước thuộc Thành phố; các chức danh lãnh đạo thuộc sở, ban, ngành Thành phố mà theo quy định của văn bản pháp luật chuyên ngành thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

2.5. Khi cần thiết, xem xét, thống nhất để Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao phụ trách, điều hành các sở, ban, ngành Thành phố khi khuyết thiếu người đứng đầu.

3. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị-xã hội, các hội (có thành lập đảng đoàn) ở Thành phố; Ban Thường vụ Thành đoàn Hà Nội; tập thể thường trực các tổ chức: Liên minh Hợp tác xã Thành phố, Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Thành phố, Hội Chữ thập đỏ Thành phố, Hội Nhà báo Thành phố

3.1. Lãnh đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện các quyết định của cấp trên về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

3.2. Lãnh đạo xây dựng và thực hiện các nội dung công tác cán bộ đối với các chức danh cán bộ được phân cấp quản lý. Chịu trách nhiệm trước Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về công tác cán bộ của đơn vị mình.

3.3. Thảo luận, quyết nghị đề xuất với Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định việc đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ của tổ chức mình thuộc quyền quyết định của Ban Thường vụ Thành ủy.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của các quận, huyện, thị ủy

1. Ban chấp hành đảng bộ quận, huyện, thị xã

1.1. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Thành ủy việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định của Trung ương, Thành ủy về cán bộ và công tác cán bộ tại địa phương.

1.2. Thảo luận, biểu quyết về định hướng xây dựng ban chấp hành đảng bộ quận, huyện, thị xã nhiệm kỳ mới và phương án nhân sự để báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy và trình Đại hội.

1.3. Biểu quyết giới thiệu, trình Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định về nhân sự tại chỗ ứng cử các chức danh: bí thư, phó bí thư quận, huyện, thị ủy; chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ quận, huyện, thị ủy.

1.4. Căn cứ quy định của Trung ương và Thành ủy, quyết định số lượng ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra quận, huyện, thị ủy; điều chỉnh cơ cấu cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy ngoài cơ cấu cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy được Ban Thường vụ Thành ủy xác định hoặc phê duyệt.

1.5. Bầu ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư quận, huyện, thị ủy; ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra quận, huyện, thị ủy.

1.6. Giới thiệu nhân sự để hội đồng nhân dân quận, huyện, thị xã bầu chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã.

1.7. Tham gia ý kiến đối với nhân sự giới thiệu để hội đồng nhân dân quận, huyện, thị xã bầu giữ chức phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã trước khi ban thường vụ quận, huyện, thị ủy quyết định giới thiệu để hội đồng nhân dân quận, huyện, thị xã bầu.

2. Ban thường vụ quận, huyện, thị ủy

2.1. Quyết định phân công công tác đối với các đồng chí ủy viên ban chấp hành; ủy viên ban thường vụ quận, huyện, thị ủy (trừ các chức danh, chức vụ nêu tại Phụ lục 1 Quy định này).

2.2. Trên cơ sở đề nghị của thường trực quận, huyện, thị ủy, thảo luận và quyết định (hoặc đề nghị Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định):

- Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh: ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, trưởng ban, phó trưởng ban đảng và tương đương thuộc quận, huyện, thị ủy, ủy viên ủy ban kiểm tra quận, huyện, thị ủy; trưởng ban, phó trưởng ban hội đồng nhân dân quận, huyện, thị xã; trưởng phòng, phó trưởng phòng, ban và tương đương, cấp trưởng, cấp phó đơn vị sự nghiệp trực thuộc ủy ban nhân dân quận,

huyện, thị xã; cấp trưởng, cấp phó Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận, huyện, thị xã; cấp trưởng, cấp phó các đoàn thể chính trị-xã hội quận, huyện, thị xã; bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ đảng ủy; chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân xã, thị trấn (đối với các huyện, thị ủy); chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ đảng ủy và bí thư, phó bí thư chi bộ cơ sở trực thuộc quận, huyện, thị ủy.

- Khi cần thiết, chỉ định bí thư hoặc giao quyền bí thư, giao phụ trách tổ chức cơ sở đảng trực thuộc.

- Quyết định phê duyệt quy hoạch chức danh ủy viên ban chấp hành, các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của quận, huyện, thị ủy. Trình Ban Thường vụ Thành ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ quận, huyện, thị ủy; chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã.

2.3. Chuẩn bị, trình ban chấp hành đảng bộ quận, huyện, thị xã về đề án, phương án nhân sự ban chấp hành đảng bộ, ủy ban kiểm tra cấp ủy quận, huyện, thị xã nhiệm kỳ mới.

2.4. Chuẩn bị để ban chấp hành đảng bộ quận, huyện, thị xã:

- Xem xét, đề nghị Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định giới thiệu nhân sự ứng cử các chức danh: bí thư, phó bí thư quận, huyện, thị ủy; chủ tịch hội đồng nhân dân và chủ tịch ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ quận, huyện, thị ủy.

- Xem xét, cho ý kiến về nhân sự ứng cử phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã trước khi quyết định giới thiệu đề hội đồng nhân dân quận, huyện, thị xã bầu.

2.5. Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc quận, huyện, thị ủy.

2.6. Xem xét kết quả bầu cử và quyết định chuẩn y danh sách ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư; ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra và các chức danh bầu bổ sung của tổ chức cơ sở đảng trực thuộc. Chỉ định cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc khi có sự thay đổi về tổ chức (thành lập mới, chia tách, hợp nhất, sáp nhập). Khi cần thiết, chỉ định đảng viên tham gia cấp ủy và giữ các chức vụ ủy viên thường vụ, phó bí thư, bí thư, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy các tổ chức đảng trực thuộc theo quy định của Điều lệ Đảng.

2.7. Đề nghị Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Thành ủy đang công tác tại quận, huyện, thị xã.

2.8. Quyết định thẩm tra, xác minh, kết luận tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ, đảng viên thuộc diện quản lý và cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý sinh hoạt đảng tại đảng bộ.

2.9. Tham gia ý kiến với Đảng ủy Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Đảng ủy Công an Thành phố, các cơ quan có thẩm quyền ở Thành phố và Trung ương (nếu có) về đánh giá, quy hoạch, bố trí, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật đối với chỉ huy trưởng, phó chỉ huy trưởng, chính trị viên, chính trị viên phó ban chỉ huy quân sự quận, huyện, thị xã; cấp trưởng, cấp phó công an quận, huyện, thị xã; cấp trưởng, cấp phó cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của ngành dọc công tác cấp trên mà tổ chức đảng trực thuộc quận, huyện, thị ủy.

2.10. Đánh giá, xếp loại cán bộ hằng năm và báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, cho ý kiến đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý theo quy định. Quyết định đánh giá, xếp loại hằng năm đối với cán bộ diện ban thường vụ quận, huyện, thị ủy quản lý.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của các đảng ủy khối, đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy (bao gồm cả các đảng ủy trong doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối)

1. Lãnh đạo và thực hiện công tác tổ chức, cán bộ bảo đảm đúng quy định và thẩm quyền được giao; tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp. Khi cần thiết, chỉ định bí thư hoặc giao quyền bí thư, giao phụ trách tổ chức cơ sở đảng trực thuộc. Quyết định phê duyệt quy hoạch chức danh ủy viên ban chấp hành; các chức danh cán bộ thuộc đảng ủy quản lý.

2. Đề xuất với Ban Thường vụ Thành ủy, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố, ban cán sự Đảng các bộ, ngành Trung ương xem xét, quyết định các vấn đề về cán bộ thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ Thành ủy, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố, ban cán sự Đảng các bộ, ngành Trung ương.

3. Lãnh đạo xây dựng, ban hành quy chế, quy định cụ thể hóa về công tác tổ chức, cán bộ theo đúng chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

4. Lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng trong phạm vi phụ trách.

5. Quyết định thẩm tra, xác minh, kết luận tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ, đảng viên thuộc diện quản lý và cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý sinh hoạt đảng tại đảng bộ.

6. Khi có yêu cầu, đảng ủy khối tham gia ý kiến với các cơ quan có thẩm quyền ở Thành phố và Trung ương về đánh giá, quy hoạch, bố trí, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật đối với cấp trưởng, cấp phó cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của ngành dọc công tác mà tổ chức Đảng trực thuộc đảng ủy khối.

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của các đảng ủy cấp trên cơ sở trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trực thuộc Thành ủy

1. Cấp ủy chủ động tham gia ý kiến với hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), tổng giám đốc (giám đốc) về chủ trương sắp xếp, tổ chức bộ máy quản lý công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, chế độ, chính sách cán bộ.

2. Cấp ủy đề xuất, kiến nghị với cấp trên về người đại diện phần vốn của Nhà nước trong doanh nghiệp; chủ động giới thiệu những cán bộ, đảng viên có phẩm chất, năng lực, đủ điều kiện, tiêu chuẩn để đưa vào quy hoạch, tham gia bộ máy lãnh đạo, quản lý của doanh nghiệp.

Quyết định phê duyệt quy hoạch chức danh ủy viên ban chấp hành, các chức danh cán bộ thuộc cấp ủy quản lý. Trình Ban Thường vụ Thành ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ đảng ủy. Khi cần thiết, chỉ định bí thư hoặc giao quyền bí thư, giao phụ trách tổ chức cơ sở đảng trực thuộc.

3. Quyết định thẩm tra, xác minh, kết luận tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ, đảng viên thuộc diện quản lý và cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý sinh hoạt đảng tại đảng bộ.

4. Xây dựng cấp ủy và đội ngũ cán bộ đoàn thể có đủ phẩm chất, năng lực, gương mẫu, hoạt động có hiệu quả, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm.

Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của tập thể lãnh đạo các sở, ban, ngành và tương đương trực thuộc Thành phố

1. Lãnh đạo, tổ chức thực hiện và kiểm tra thực hiện các quyết định của cấp trên về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

2. Quyết định về đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ được phân cấp quản lý, bao gồm: cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban đơn vị trực thuộc mà không thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của văn bản pháp luật chuyên ngành.

3. Thảo luận, quyết nghị đề xuất với Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy về đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ diện Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy quản lý đang công tác tại cơ quan, đơn vị mình.

4. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ trong quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý của cơ quan, đơn vị mình.

Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy trong công tác cán bộ

1. Ban Tổ chức Thành ủy

1.1. Là cơ quan tổng hợp, tham mưu, giúp việc của Thành ủy mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy về công tác cán bộ; hướng dẫn và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định, quyết định, kết luận, chính sách của Trung ương, Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về cán bộ và công tác cán bộ.

1.2. Tổng hợp, theo dõi đội ngũ cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý. Phối hợp với các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị cấp Thành phố tham mưu giúp Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy quản lý các nội dung về công tác cán bộ.

1.3. Tổng hợp, thẩm định đề xuất chủ trương kiện toàn nhân sự diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao và theo đề nghị của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân Thành phố, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố (đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý khối chính quyền và doanh nghiệp nhà nước). Tham mưu trình Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy các vấn đề về cán bộ và công tác cán bộ.

1.4. Xây dựng và hướng dẫn thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy định của Trung ương, Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy.

1.5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy và các cơ quan có liên quan (Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, Ban Nội chính Thành ủy, Công an Thành phố...) thẩm định nhân sự thuộc thẩm quyền quyết định của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy; đồng thời, tùy theo chức danh cán bộ để gửi văn bản xin ý kiến Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân Thành phố; tổng hợp, đề xuất và trình Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Thành ủy xem xét, quyết định.

1.6. Được Thường trực Thành ủy ủy nhiệm thông báo chủ trương về công tác cán bộ đối với cán bộ, các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý.

1.7. Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Thành ủy và các cơ quan liên quan định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác cán bộ và quản lý cán bộ đối với các cấp ủy, địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị Thành phố.

1.8. Giải quyết và tham mưu giải quyết một số chế độ, chính sách cụ thể đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa theo ủy nhiệm của Ban Thường vụ Thành ủy.

1.9. Thẩm tra, xác minh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý có vấn đề chính trị cần xem xét theo chỉ đạo của Thường trực Thành ủy; báo cáo Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy kết luận và quyết định việc bố trí, sử dụng.

1.10. Hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng và quản lý hồ sơ cán bộ; trực tiếp quản lý hồ sơ, lý lịch cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý. Hướng dẫn thống nhất việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về cán bộ, đảng viên; trực tiếp quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý và cơ sở dữ liệu đảng viên trong toàn Đảng bộ Thành phố.

1.11. Trường hợp cần thiết theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, chủ động phối hợp với các địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định, đề xuất Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

2. Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, Ban Tuyên giáo Thành ủy, Ban Nội chính Thành ủy, Ban Dân vận Thành ủy và Văn phòng Thành ủy

2.1. Kiến nghị, đề xuất với Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền quản lý của Ban Thường vụ Thành ủy công tác tại địa phương, cơ quan, đơn vị.

2.2. Tham gia ý kiến, thẩm định nhân sự quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; phong, thăng quân hàm cấp tướng; cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý trong phạm vi, lĩnh vực được phân công phụ trách khi có yêu cầu (các chức danh cán bộ nêu tại Phụ lục 1 của Quy định này).

2.3. Kiểm tra, giám sát cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị cấp dưới trực thuộc và đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét những vấn đề về công tác cán bộ và cán bộ (nếu có). Phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị khi có yêu cầu.

2.4. Ủy ban Kiểm tra Thành ủy tham mưu giúp Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật trong Đảng thuộc thẩm quyền của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy và trực tiếp thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát, kỷ luật cán bộ theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ Đảng, Quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

Điều 15. Trách nhiệm, mối quan hệ của các cơ quan trong công tác cán bộ

1. Khi có nhu cầu thay đổi cán bộ diện Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy quản lý thuộc khối cơ quan chính quyền của Thành phố; tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị báo cáo để Đảng đoàn Hội đồng nhân dân Thành phố, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét và đề xuất chủ trương; Ban Tổ chức Thành ủy tổng hợp, thẩm định, tham mưu đề xuất Thường trực Thành ủy quyết định chủ trương công tác cán bộ. Sau khi Thường trực Thành ủy có thông báo kết luận đồng ý chủ trương, Ban Tổ chức Thành ủy phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai

thực hiện theo quy trình công tác cán bộ, tổng hợp, thẩm định hồ sơ, xin ý kiến Đảng đoàn Hội đồng nhân dân Thành phố, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố cho ý kiến về nhân sự cụ thể (sau khi thực hiện quy trình), đề nghị Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định.

2. Căn cứ nghị quyết của Ban Thường vụ Thành ủy về công tác cán bộ, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân Thành phố, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố; Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị-xã hội, các hội (có thành lập đảng đoàn) ở Thành phố; Ban Thường vụ Thành đoàn Hà Nội; tập thể thường trực các tổ chức: Liên minh Hợp tác xã Thành phố, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Thành phố, Hội Chữ thập đỏ Thành phố, Hội Nhà báo Thành phố lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện việc bầu cử hoặc bổ nhiệm cán bộ vào các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức.

3. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và mỗi cán bộ, đảng viên có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quyết định của Ban Thường vụ Thành ủy về cán bộ và công tác cán bộ. Không một tập thể hoặc cá nhân nào được thay đổi hoặc không thực hiện đúng quyết định của Ban Thường vụ Thành ủy. Trường hợp đặc biệt cần thay đổi, phải được Ban Tổ chức Thành ủy thẩm định, báo cáo và được Ban Thường vụ Thành ủy đồng ý.

4. Mọi quan hệ với các bộ, ban, ngành của Trung ương

Khi thay đổi, bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cơ quan hiệp quản cấp Thành phố do bộ, ban, ngành Trung ương quản lý, Ban Thường vụ Thành ủy tham gia ý kiến để đảng đoàn, ban cán sự đảng hoặc lãnh đạo các bộ, ban, ngành Trung ương xem xét, quyết định. Trường hợp có ý kiến khác nhau, đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo bộ, ban, ngành Trung ương quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 16. Phân cấp quản lý đối với cán bộ đã thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ hưu

1. Nội dung quản lý

Cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý khi đã thôi giữ chức vụ, nghỉ công tác chờ nghỉ hưu hoặc nghỉ hưu (trừ trường hợp đã thôi giữ chức vụ hoặc được điều động, bố trí công tác khác không thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý) phải được Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, cho ý kiến về những vấn đề sau:

1.1. Tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp; thành viên lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; người đứng đầu tổ chức hội và các tổ chức (không bao gồm trưởng ban vận động thành lập hội, tổ chức); làm thành viên, lãnh đạo, quản lý các tổ chức có yếu tố nước ngoài; làm chủ tịch hội đồng thành viên (hội đồng quản trị), giám đốc (tổng giám đốc) doanh nghiệp cổ phần, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).

1.2. Khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ.

1.3. Đi nước ngoài, tiếp khách quốc tế, trả lời phỏng vấn báo chí nước ngoài, nhận huân chương, huy chương, danh hiệu, giải thưởng của nước ngoài và các tổ chức quốc tế tặng.

2. Phân cấp quản lý

2.1. Ban Thường vụ Thành ủy báo cáo, đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương cho ý kiến về các nội dung nêu tại Khoản 1, Điều 15 Quy định số 80-QĐ/TW ngày 18/8/2022 của Bộ Chính trị đối với các đồng chí nguyên là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố.

2.2. Ban Thường vụ Thành ủy cho ý kiến đối với các đồng chí nguyên là Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố.

2.3. Ban Thường vụ Thành ủy ủy quyền cho Thường trực Thành ủy cho ý kiến đối với các đồng chí nguyên là Thành ủy viên, các đồng chí nguyên giữ chức danh, chức vụ cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý còn lại nêu tại Phụ lục 1 của Quy định này.

2.4. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, các quận, huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Thành ủy căn cứ Điều 16 của Quy định này để cụ thể hoá nội dung, phân cấp quản lý đối với cán bộ thuộc diện được phân cấp quản lý sau khi nghỉ hưu cho phù hợp.

Chương III

BỔ NHIỆM VÀ GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ

Điều 17. Nguyên tắc bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo thẩm quyền; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, phát huy đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của từng thành viên và người đứng đầu.

2. Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, phẩm chất, đạo đức, năng lực, sở trường và uy tín cán bộ; đồng thời, xuất phát từ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Bảo đảm sự ổn định, kế thừa và phát triển liên tục của đội ngũ cán bộ; nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.

4. Không bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, điều động, phong, thăng quân hàm đối với cán bộ, đảng viên đang bị xem xét, xử lý kỷ luật.

Điều 18. Trách nhiệm và thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đề xuất nhân sự và đánh giá, nhận xét nhân sự được đề xuất.

2. Tập thể lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thảo luận, đánh giá, nhận xét cán bộ, quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Cá nhân, tập thể đề xuất; cơ quan thẩm định; tập thể quyết định cán bộ theo thẩm quyền phải chịu trách nhiệm về đề nghị, thẩm định, quyết định của mình. Cụ thể:

- Cá nhân, tập thể đề xuất: Thực hiện việc công khai tài sản, thu nhập của nhân sự dự kiến bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định. Chịu trách nhiệm chính trước cấp có thẩm quyền về nhận xét, đánh giá, phẩm chất đạo đức, lối sống; năng lực công tác, ưu, khuyết điểm; kê khai tài sản, thu nhập... và ý kiến đề xuất của mình.

- Cơ quan thẩm định: Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, thẩm tra, rà soát thông tin đối với nhân sự được đề xuất theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

- Tập thể quyết định cán bộ: Chịu trách nhiệm đối với quyết định của mình trong bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Điều 19. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chức vụ cao hơn

1. Bảo đảm tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn chức danh theo quy định của Đảng và cơ quan có thẩm quyền; không vi phạm quy định về những điều đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức không được làm.

2. Cán bộ được giới thiệu từ nguồn nhân sự tại chỗ phải được quy hoạch vào chức danh bổ nhiệm hoặc được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Đối với nhân sự từ nguồn ở bên ngoài phải được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 2 năm. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Có hồ sơ, lý lịch cá nhân, bản kê khai tài sản, thu nhập đầy đủ, rõ ràng và được cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, xác minh; kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cơ quan có thẩm quyền theo Quy định của Bộ Chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

5. Tuổi bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử: Cán bộ các cơ quan trong hệ thống chính trị được đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào vị trí lãnh đạo, quản lý (cao hơn) lần đầu phải đủ tuổi để công tác trọn một nhiệm kỳ. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

6. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

7. Cán bộ bị kỷ luật thì không phân công, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào chức vụ cao hơn chức vụ khi bị kỷ luật trong khoảng thời gian như sau (tính từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực):

- 12 tháng đối với hình thức kỷ luật Khiển trách.
- 30 tháng đối với hình thức kỷ luật Cảnh cáo.
- 60 tháng đối với hình thức kỷ luật Cách chức.

Điều 20. Thời hạn giữ chức vụ

1. Thời hạn giữ chức vụ cho mỗi lần bổ nhiệm là 5 năm (60 tháng) đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị và doanh nghiệp nhà nước.

2. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ dưới 5 năm áp dụng đối với một số chức vụ đặc thù theo quy định riêng.

3. Thời hạn giữ chức vụ bầu cử theo nhiệm kỳ đại hội của tổ chức đó.

4. Thời hạn giữ chức vụ không quá hai nhiệm kỳ liên tục (từ 08 năm trở lên) ở cùng một địa phương, cơ quan, đơn vị được áp dụng đối với một số chức danh theo quy định của Đảng, pháp luật chuyên ngành và cơ quan có thẩm quyền.

Điều 21. Quy trình bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử phải thực hiện theo đúng Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội, các quy định của Trung ương và quy định nêu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định này.

2. Khi cần thiết, cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm gấp, trao đổi ý kiến hoặc uỷ quyền cho cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ gấp, trao đổi ý kiến với nhân sự trước khi quyết định.

Điều 22. Bổ sung các chức danh lãnh đạo cấp uỷ, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố

1. Khi cần bổ sung cấp uỷ viên, uỷ viên ban cán sự đảng, đảng đoàn còn thiếu so với số lượng mà đại hội quyết định hoặc trong khung số lượng do Trung ương và Thành uỷ quy định, các quận, huyện, thị uỷ, đảng uỷ trực thuộc Thành uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn chủ động làm quy trình giới thiệu nhân sự và báo cáo Ban Thường vụ Thành uỷ xem xét, chỉ định mà không phải báo cáo xin chủ trương.

- Những nhân sự đã được đại hội hoặc hội nghị ban chấp hành giới thiệu vào danh sách bầu cử tham gia ban chấp hành, ban thường vụ cấp uỷ nhưng kết quả đạt không quá 50% số phiếu bầu thì việc xem xét, bổ sung vào cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cần đánh giá, cân nhắc kỹ về uy tín, năng lực, cơ cấu cụ thể và chỉ thực hiện sau đại hội hoặc hội nghị ban chấp hành ít nhất 12 tháng.

- Quy trình giới thiệu nhân sự và hồ sơ nhân sự đề nghị chỉ định bổ sung cấp uỷ viên thực hiện như trường hợp bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý từ nguồn nhân sự tại chỗ nêu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định này.

2. Đối với kiện toàn, bổ sung các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý thì cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị phải báo cáo Thường trực Thành uỷ xin chủ trương và dự kiến nguồn nhân sự trước khi thực hiện quy trình nhân sự. Đối với chức danh có cơ cấu tham gia đảng đoàn, ban cán sự đảng thì khi đề xuất bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, đồng thời đề xuất chỉ định tham gia đảng đoàn, ban cán sự đảng theo quy định.

3. Khi Ủy viên Ủy ban nhân dân các cấp có quyết định nghỉ hưu, chuyển công tác... không còn trong cơ cấu thành viên Ủy ban nhân dân thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định việc miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân; khi cán bộ được cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm làm người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân giới thiệu để Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu bổ sung làm Ủy viên Ủy ban nhân dân; không phải xin ý kiến của cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ.

4. Riêng việc bổ sung cán bộ quân đội, công an tham gia cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy quận, huyện, thị xã giữa hai kỳ đại hội, thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị về tổ chức Đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân Việt Nam.

Điều 23. Về hiệp y khi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử các chức danh lãnh đạo, quản lý ở địa phương

1. Các cơ quan, đơn vị được tổ chức theo ngành dọc thực hiện công tác hiệp y nhân sự với cấp ủy địa phương trước khi bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý của tổ chức đó tại địa phương.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức không tổ chức theo ngành dọc thì không thực hiện công tác hiệp y nhân sự đối với các chức danh (không quản lý trực tiếp) thuộc thẩm quyền quản lý của cấp ủy địa phương theo quy định của Ban Thường vụ Thành ủy, trừ trường hợp có quy định riêng.

Chương IV

BỔ NHIỆM LẠI, GIỚI THIỆU TÁI CỬ

Điều 24. Nguyên tắc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Cấp nào ra quyết định bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử thì cấp đó thực hiện việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử.

2. Chậm nhất 90 ngày trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm, người đứng đầu và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ phải xem xét, báo cáo và chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về việc xin chủ trương bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đến tuổi nghỉ hưu đối với cán bộ. Trường hợp cán bộ hết thời hạn bổ nhiệm mà thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ không báo cáo, đề xuất bổ nhiệm lại thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị đó phải chịu trách nhiệm.

Cán bộ sau khi được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vì một trong các lý do: Sức khỏe không bảo đảm; uy tín giảm sút; không hoàn thành nhiệm vụ; vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật của Nhà nước,... thì cấp có thẩm quyền quyết định việc thay thế, cho thôi giữ chức, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, không chờ hết thời hạn giữ chức vụ, hết nhiệm kỳ công tác.

3. Việc bổ nhiệm lại đối với những cán bộ tính đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định không còn đủ thời gian công tác 5 năm, thực hiện như sau:

- Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý còn từ 2 năm công tác trở lên, thì phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại theo quy định.

- Trường hợp còn dưới 2 năm công tác thì người đứng đầu và tập thể lãnh đạo thảo luận, xem xét, nếu cán bộ còn sức khỏe, uy tín, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ thì thống nhất biểu quyết (bằng phiếu kín), lập tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kéo dài thời hạn giữ chức vụ cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định mà không phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại.

4. Đối với cán bộ đang trong thời hạn thi hành kỷ luật mà không thuộc diện phải xem xét miễn nhiệm, cho từ chức theo Quy định số 41-QĐ/TW, ngày 03/11/2021 của Bộ Chính trị thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, thảo luận dân chủ, đánh giá khách quan, thận trọng, kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt về phẩm chất, năng lực, uy tín; nguyên nhân, động cơ vi phạm, khuyết điểm và tính chất, mức độ ảnh hưởng, tác động, kết quả khắc phục hậu quả (nếu có),... xem xét, cân nhắc việc bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

5. Cán bộ không được bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử (do uy tín giảm sút, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật...) thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc bố trí công tác khác theo nguyên tắc không được bố trí chức vụ tương đương hoặc cao hơn.

6. Không xem xét bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức trong thời gian giữ chức vụ có từ 02 năm trở lên được đánh giá, xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.

7. Quyết định bổ nhiệm lại hoặc quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phải được ban hành trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm ít nhất 01 ngày làm việc. Khi hết thời hạn bổ nhiệm mà chưa có quyết định bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của cấp có thẩm quyền thì không được thực hiện chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền của chức vụ lãnh đạo, quản lý hiện giữ. Việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền của chức vụ lãnh đạo, quản lý đó do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định.

8. Chưa thực hiện quy trình bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử; đang bị kiểm tra dấu hiệu vi phạm; đang trong thời gian được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cử đi học tập, công tác ở nước ngoài từ 03 tháng trở lên; đang trong thời gian điều trị nội trú từ 03 tháng trở lên tại các cơ sở y tế hoặc đang trong thời gian nghỉ chế độ thai sản. Kết thúc thời hạn trên, cấp có thẩm quyền xem xét, thực hiện quy trình bổ nhiệm lại đối với cán bộ, công chức, viên chức; trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm lại thì bố trí công tác khác.

Trường hợp chưa thực hiện quy trình bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm phải có văn bản thông báo để cơ quan, tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức biết.

9. Việc bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử được tiến hành từng bước, phù hợp quy định của Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và yêu cầu của từng địa phương, lĩnh vực, sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, bảo đảm ổn định và hiệu quả thiết thực.

Điều 25. Điều kiện xem xét bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ và đáp ứng tiêu chuẩn chức danh bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Địa phương, cơ quan, đơn vị có yêu cầu.

3. Đủ sức khoẻ để tiếp tục đảm nhiệm chức vụ.

Điều 26. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm lại

Sau khi cấp có thẩm quyền nhất trí chủ trương bổ nhiệm lại cán bộ, chậm nhất trong thời gian 10 ngày làm việc, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ tổ chức thực hiện việc bổ nhiệm lại cán bộ với các công việc sau:

1. Bước 1: Yêu cầu cán bộ làm báo cáo tự nhận xét, đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ.

2. Bước 2: Tổ chức lấy ý kiến của cán bộ chủ chốt trong cơ quan, đơn vị (bằng phiếu kín) đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm lại (đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, thành phần hội nghị như nêu tại Bước 4, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định này).

3. Bước 3: Trên cơ sở ý kiến đánh giá, nhận xét (bằng văn bản) của ban thường vụ đảng ủy (đảng ủy cơ quan đối với những nơi không có ban thường vụ), người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ nhận xét, đánh giá và đề xuất ý kiến có bổ nhiệm lại hay không.

4. Bước 4: Tập thể lãnh đạo thảo luận, xem xét, bỏ phiếu kín quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ.

Cán bộ được trên 50% số người được triệu tập ở các hội nghị đồng ý thì trình cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm lại; trường hợp số phiếu đạt tỉ lệ 50% (không quá bán) thì do người đứng đầu xem xét, quyết định; trường hợp đạt số phiếu dưới 50% đồng ý thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Bước 5: Căn cứ kết quả bỏ phiếu giới thiệu tại bước 2, bước 4, tập thể lãnh đạo báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm lại theo quy định.

Điều 27. Quy trình, thủ tục giới thiệu tái cử

Thực hiện theo quy định riêng của Bộ Chính trị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương.

Chương V

ĐIỀU ĐỘNG, BIỆT PHÁI VÀ CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC ĐỐI VỚI CÁN BỘ

Điều 28. Mục đích, yêu cầu của việc điều động, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ

Việc điều động, biệt phái và chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ phải căn cứ vào yêu cầu công tác, quy hoạch cán bộ; phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ nhằm phát huy, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ; góp phần khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ trong từng địa phương, cơ quan, đơn vị; bảo đảm sự ổn định và phát triển của đội ngũ cán bộ.

Điều 29. Đối tượng, phạm vi và thẩm quyền quyết định điều động, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ

1. Đối tượng: Cán bộ lãnh đạo, quản lý của các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị Thành phố.

2. Phạm vi: Giữa các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị Thành phố.

3. Thẩm quyền: Thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Thành ủy.

Khi cần thiết, Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định điều động, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ từ nơi khác về đảm nhận các chức vụ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý tại các địa phương, cơ quan, đơn vị.

Điều 30. Quy trình điều động, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ

1. Điều động, chuyển đổi vị trí công tác

1.1. Căn cứ quy hoạch cán bộ, yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ và các quy định về thời gian giữ chức vụ, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định điều động, chuyển đổi vị trí công tác cán bộ thuộc phạm vi quản lý.

1.2. Quy trình điều động, chuyển đổi vị trí công tác thực hiện như trường hợp bổ nhiệm cán bộ từ nguồn nhân sự nơi khác nêu tại Mục II, Phần A, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định này.

2. Biệt phái cán bộ

2.1. Căn cứ vào yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị xem xét việc biệt phái cán bộ thuộc phạm vi quản lý.

2.2. Thời gian biệt phái nhiều nhất là 3 năm; khi hết thời gian biệt phái thì cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi cử cán bộ đi biệt phái đánh giá, nhận xét và xem xét, quyết định việc kết thúc hoặc gia hạn thời gian biệt phái đối với cán bộ.

2.3. Quy trình biệt phái:

Tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác thực hiện các bước sau:

- Bước 1: Thảo luận, thống nhất về dự kiến biệt phái cán bộ (nếu nhân sự do cơ quan tiếp nhận cán bộ đề nghị) hoặc trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ biệt phái (nếu nhân sự do cơ quan nơi cán bộ đang công tác giới thiệu).

- Bước 2: Gặp cán bộ để trao đổi về chủ trương biệt phái và yêu cầu nhiệm vụ cụ thể.

- Bước 3: Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 31. Bảo đảm chế độ, chính sách đối với cán bộ được điều động, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác

1. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để cán bộ được điều động, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác sớm ổn định công tác và sinh hoạt.

2. Cán bộ được điều động, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác đến những địa phương có khó khăn được ưu tiên giải quyết trước thời hạn một số chế độ, chính sách theo quy định của Đảng, Nhà nước và của Thành phố.

3. Căn cứ quy định của Ban Tổ chức Trung ương và Bộ Nội vụ, Ban Tổ chức Thành uỷ, Sở Nội vụ Thành phố và các cơ quan liên quan xây dựng, trình Ban Thường vụ Thành uỷ quy định chế độ, chính sách cụ thể đối với cán bộ của Thành phố được điều động, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác.

Chương VI

MIỄN NHIỆM, CHO TỪ CHỨC VÀ BỔ TRÍ CÁN BỘ SAU KHI MIỄN NHIỆM, TỪ CHỨC

Điều 32. Nguyên tắc, thẩm quyền miễn nhiệm, cho từ chức và bổ trí cán bộ sau khi miễn nhiệm, từ chức

1. Cấp nào ra quyết định bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử thì cấp đó xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, cho từ chức, bổ trí cán bộ sau khi miễn nhiệm, từ chức.

2. Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng; kịp thời thay thế những cán bộ bị kỷ luật, năng lực hạn chế, uy tín giảm sút mà không chờ hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm, thực hiện phương châm “có vào, có ra, có lên, có xuống” trong công tác cán bộ, đồng thời tạo điều kiện cho cán bộ bị kỷ luật có cơ hội sửa chữa, khắc phục khuyết điểm, tiếp tục phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện. Khuyến khích cán bộ bị kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách mà năng lực hạn chế, uy tín giảm sút tự nguyện xin từ chức; nếu không tự nguyện xin từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét miễn nhiệm theo quy định.

3. Kiên quyết, kịp thời xem xét cho miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ khi có đủ căn cứ. Không thực hiện việc cho từ chức đối với cán bộ thuộc trường hợp phải miễn nhiệm.

Điều 33. Căn cứ xem xét miễn nhiệm

Việc xem xét miễn nhiệm cán bộ được căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Bị kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách nhưng uy tín giảm sút không thể đảm nhiệm chức vụ được giao.
2. Bị kỷ luật khiển trách hai lần trở lên trong cùng một nhiệm kỳ hoặc trong thời hạn bổ nhiệm.
3. Có 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.
4. Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.
5. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác.
6. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ của Đảng đến mức phải miễn nhiệm.

Điều 34. Căn cứ xem xét cho từ chức

Việc xem xét đối với cán bộ xin từ chức được căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Do hạn chế về năng lực hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.
2. Để cơ quan, đơn vị mình quản lý, phụ trách xảy ra sai phạm nghiêm trọng.
3. Có trên 50% số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.
4. Bị kỷ luật chưa đến mức phải xem xét miễn nhiệm nhưng tự nguyện xin từ chức.
5. Vì lý do chính đáng khác của cá nhân.

Điều 35. Căn cứ xem xét việc miễn nhiệm, cho từ chức liên quan đến trách nhiệm người đứng đầu

Việc xem xét miễn nhiệm, từ chức liên quan đến trách nhiệm của người đứng đầu khi cấp có thẩm quyền kết luận để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách xảy ra tham nhũng, tiêu cực; căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

1. Miễn nhiệm đối với người đứng đầu khi để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực rất nghiêm trọng.
2. Người đứng đầu lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để dung túng, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực thì tùy tính chất, mức độ sai phạm để xem xét cho từ chức.
3. Cho từ chức đối với người đứng đầu khi để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng.

Điều 36. Việc bố trí cán bộ sau khi miễn nhiệm, từ chức

1. Cán bộ sau khi miễn nhiệm, từ chức có thể tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi nếu đủ điều kiện theo quy định hoặc nghỉ công tác.

2. Cán bộ tự nguyện xin từ chức và có nguyện vọng tiếp tục công tác thì thực hiện như sau:

2.1. Trường hợp thời gian công tác còn dưới 05 năm:

- Cán bộ là cấp ủy viên thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí công tác phù hợp với từng trường hợp cụ thể (nếu cán bộ tham gia nhiều cấp ủy thì tính theo cấp ủy cao nhất).

- Các trường hợp cán bộ khác thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí làm công tác chuyên môn (không làm công tác lãnh đạo, quản lý), được giữ nguyên ngạch công chức, viên chức đã bổ nhiệm.

2.2. Trường hợp thời gian công tác còn từ 5 năm trở lên:

a) Cán bộ tự nguyện xin từ chức do bị kỷ luật, năng lực hạn chế, uy tín giảm sút:

- Trường hợp là cấp ủy viên thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí công tác phù hợp với từng trường hợp cụ thể (nếu cán bộ tham gia nhiều cấp ủy thì tính theo cấp ủy cao nhất).

- Các trường hợp khác thì cấp có thẩm quyền căn cứ tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét từng trường hợp cụ thể để bố trí công tác theo hướng giảm một cấp so với chức vụ khi từ chức.

Sau 24 tháng công tác ở vị trí mới, nếu được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ (ở vị trí công tác mới) đánh giá khắc phục tốt những sai phạm, khuyết điểm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử lại chức danh đã đảm nhiệm hoặc tương đương.

b) Cán bộ tự nguyện xin từ chức vì lý do chính đáng của cá nhân hoặc các trường hợp khác (không thuộc mục a khoản này) thì cấp có thẩm quyền căn cứ vào năng lực, đạo đức, kinh nghiệm để xem xét, bố trí công tác phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

3. Cán bộ sau khi miễn nhiệm, nếu có nguyện vọng tiếp tục công tác thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí làm công tác chuyên môn (không làm công tác lãnh đạo, quản lý). Sau 30 tháng công tác ở vị trí mới, nếu được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ (ở vị trí công tác mới) đánh giá khắc phục tốt những sai phạm, khuyết điểm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

Điều 37. Quy trình, thủ tục xem xét miễn nhiệm, cho từ chức và bố trí cán bộ sau khi miễn nhiệm, từ chức do bị kỷ luật

Quy trình, thủ tục xem xét miễn nhiệm, cho từ chức và bố trí cán bộ sau khi miễn nhiệm, từ chức do bị kỷ luật phải thực hiện theo đúng Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội, các quy định của Trung ương và quy định nêu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quy định này.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Quy định này, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, các quận, huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Thành ủy quy định cụ thể việc phân cấp, thẩm quyền, trách nhiệm, nội dung quản lý cán bộ; quy trình, thủ tục bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử, điều động, biệt phái đối với cán bộ trong diện được phân cấp quản lý (cả đương chức và nghỉ hưu) và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện của cấp dưới.

2. Đối với việc giới thiệu nhân sự đại hội đảng bộ các cấp và bầu cử đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp thực hiện theo quy định, hướng dẫn riêng của Trung ương và Thành ủy.

3. Ủy ban Kiểm tra Thành ủy phối hợp với Ban Nội chính Thành ủy thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định; xử lý kỷ luật theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật những tập thể, cá nhân vi phạm.

4. Ban Tổ chức Thành ủy có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Điều 39. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký; thay thế Quy định số 04-QĐ/TU, ngày 11/8/2021 của Thành ủy về quản lý cán bộ, phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; các quy định trước đây trái với Quy định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương (để báo cáo),
- Ban Tổ chức Trung ương (để báo cáo),
- Ban Thường vụ Thành ủy,
- Đảng đoàn HĐND Thành phố,
- Ban cán sự Đảng UBND Thành phố,
- Các ban Đảng và Văn phòng Thành ủy,
- Ban thường vụ các quận, huyện, thị ủy, đảng ủy khối, đảng ủy trực thuộc Thành ủy,
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể CT-XH Thành phố, các hội ở Thành phố,
- Các sở, ban, ngành và tương đương;
- Các trường ĐH, CĐ trực thuộc Thành phố,
- Các đồng chí Thành ủy viên,
- Lưu VPTU.

T/M THÀNH ỦY
BÍ THƯ



Đinh Tiến Dũng





PHỤ LỤC 1

CHỨC DANH, CHỨC VỤ CÁN BỘ ĐIỆN BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY QUẢN LÝ

(Kèm theo Quy định số 12-QĐ/TU, ngày 08/5/2023 của Thành ủy Hà Nội)

I. Các chức danh, chức vụ do Ban Thường vụ Thành ủy trực tiếp quyết định

- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy;

- Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố;

- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

- Bí thư (Phó Bí thư) Đảng đoàn Hội đồng nhân dân Thành phố; Bí thư (Phó Bí thư) Ban cán sự đảng UBND Thành phố;

- Trưởng ban, phó trưởng ban Đảng Thành ủy; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Thành ủy; ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy; Thư ký các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy;

- Trưởng ban, Phó Trưởng ban Hội đồng nhân dân Thành phố; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố;

- Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố;

- Giám đốc, phó giám đốc sở; cấp trưởng, cấp phó các ban, ngành và tương đương;

- Tổng Biên tập, Phó Tổng Biên tập Báo Hà Nội mới; Báo Kinh tế Đô thị;

- Tổng Giám đốc-Tổng Biên tập, Phó Tổng Giám đốc-Phó Tổng Biên tập Đài Phát thanh-Truyền hình Hà Nội;

- Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội và các trường cao đẳng trực thuộc Thành phố;

- Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội Thành phố (Liên đoàn Lao động Thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố, Hội Nông dân Thành phố, Hội Cựu chiến binh Thành phố); Bí thư, Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Hà Nội;

- Chủ tịch, phó chủ tịch các tổ chức: Liên minh Hợp tác xã Thành phố, Liên hiệp các hội Khoa học kỹ thuật Thành phố; Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Thành phố; Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Thành phố, Hội Chữ thập đỏ Thành phố, Hội Nhà báo Thành phố;

- Bí thư Đảng đoàn: Liên hiệp các hội Khoa học kỹ thuật Thành phố, Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Thành phố; Bí thư Ban cán sự đảng: Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố, Tòa án nhân dân Thành phố;

- Bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ quận, huyện, thị ủy; chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã;

- Bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy;

- Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc các tổng công ty trực thuộc Thành phố.

II. Các chức danh, chức vụ do Ban Bí thư quyết định

- Trợ lý đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy;

- Thư ký đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy.

PHỤ LỤC 2
QUY TRÌNH BỔ NHIỆM, GIỚI THIỆU ỨNG CỬ CÁC CHỨC DANH
CÁN BỘ THUỘC DIỆN BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY QUẢN LÝ

(Kèm theo Quy định số 12-QĐ/TU, ngày 08/5/2023 của Thành ủy Hà Nội)

A. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC BỔ NHIỆM, GIỚI THIỆU ỨNG CỬ CÁC
CHỨC DANH CÁN BỘ THUỘC DIỆN BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY
QUẢN LÝ

I. ĐỐI VỚI NGUỒN NHÂN SỰ TẠI CHỖ

1. Chủ trương về công tác cán bộ

1.1. Đối với kiện toàn bổ sung một số chức danh lãnh đạo, quản lý cấp Thành phố:

Khi cần bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong khung số lượng do Trung ương quy định và Đại hội Đảng bộ Thành phố quyết định; căn cứ yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy trên các mặt công tác, Thường trực Thành ủy xem xét, cho chủ trương và chỉ đạo Ban Tổ chức Thành ủy tham mưu, đề xuất để kiện toàn bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

1.2. Đối với các chức danh cán bộ công tác ở địa phương, cơ quan, đơn vị:

Khi cần kiện toàn các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý công tác ở địa phương, cơ quan, đơn vị, tập thể lãnh đạo địa phương, cơ quan, đơn vị trình Thường trực Thành ủy xem xét, cho chủ trương về số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung, trong đó dự kiến phân công lĩnh vực, nhiệm vụ cụ thể, thực hiện như sau:

- *Các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội Thành phố, các cấp ủy trực thuộc Thành ủy:* Trình xin chủ trương qua Ban Tổ chức Thành ủy để tổng hợp, thẩm định, trình Thường trực Thành ủy.

- *Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố, các ban Hội đồng nhân dân Thành phố:* Trình xin chủ trương qua Đảng đoàn Hội đồng nhân dân Thành phố. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, đề xuất chủ trương bằng văn bản gửi Ban Tổ chức Thành ủy để tổng hợp, thẩm định, trình Thường trực Thành ủy.

- *Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp; các hội thuộc Thành phố:* Trình xin chủ trương qua Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố. Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, đề xuất chủ trương bằng văn bản gửi Ban Tổ chức Thành ủy để tổng hợp, thẩm định, trình Thường trực Thành ủy.

- *Đảng ủy các Tổng công ty nhà nước thuộc Thành phố:* Trình xin chủ trương qua Ban Tổ chức Thành ủy (đối với các chức danh lãnh đạo cấp ủy) để tổng hợp, thẩm định, trình Thường trực Thành ủy; trình qua Ban Cán sự Đảng Ủy ban

nhân dân Thành phố (đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp) để xem xét, đề xuất chủ trương bằng văn bản gửi Ban Tổ chức Thành ủy để tổng hợp, thẩm định, trình Thường trực Thành ủy.

Sau khi được Thường trực Thành ủy đồng ý về chủ trương thì Ban Tổ chức Thành ủy thông báo chủ trương về công tác cán bộ đề cấp ủy, cơ quan, đơn vị tiến hành quy trình giới thiệu nhân sự.

2. Đề xuất nhân sự cụ thể

Đối với kiện toàn bổ sung một số chức danh lãnh đạo, quản lý cấp Thành phố, thời gian thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự theo lịch làm việc của Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy.

Đối với các chức danh cán bộ công tác ở địa phương, cơ quan, đơn vị, sau khi có chủ trương của Thường trực Thành ủy, chậm nhất trong thời gian 30 ngày làm việc, tập thể lãnh đạo các địa phương, cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự theo 05 bước dưới đây. Trường hợp sau thời gian quy định, chưa hoàn thành việc thực hiện quy trình nhân sự thì tập thể lãnh đạo địa phương, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm giải trình rõ lý do, báo cáo Thường trực Thành ủy xem xét.

a) Bước 1: Trên cơ sở chủ trương, yêu cầu nhiệm vụ và nguồn cán bộ quy hoạch, người đứng đầu chủ trì cùng tập thể lãnh đạo thảo luận, rà soát, thống nhất về cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình nhân sự; đồng thời, tiến hành rà soát kết quả đánh giá, nhận xét đối với từng cán bộ trong quy hoạch (gồm cả cán bộ được quy hoạch chức danh tương đương trở lên), thông qua danh sách nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định để lấy ý kiến giới thiệu ở bước tiếp theo (*Kết quả thảo luận và đề xuất được ghi thành biên bản*). Trường hợp nguồn nhân sự đủ điều kiện, tiêu chuẩn để giới thiệu không đảm bảo số dư theo quy định, tập thể lãnh đạo báo cáo Thường trực Thành ủy xem xét, quyết định trước khi thực hiện các bước quy trình tiếp theo.

Thành phần tham dự:

- Ở cấp Thành phố là Ban Thường vụ Thành ủy.
- Ở các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị trực thuộc Thành phố: là cấp trưởng, cấp phó cơ quan, đơn vị và người đứng đầu cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ (để chuẩn bị nội dung và báo cáo).
- Ở Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố và các ban Hội đồng nhân dân Thành phố: là tập thể Đảng đoàn và Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.
- Ở quận, huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Thành ủy: là tập thể ban thường vụ quận, huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Thành ủy.
- Ở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị-xã hội, các hội (có thành lập đảng đoàn) cấp Thành phố: là tập thể đảng đoàn và người đứng đầu.

- Ở Thành đoàn Hà Nội: là tập thể Ban Thường vụ Thành đoàn.

- Ở các trường đại học, cao đẳng trực thuộc Thành phố: chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng trường (nếu có), hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng và người đứng đầu cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ (để chuẩn bị nội dung và báo cáo).

- Ở các tổ chức hội (không thành lập đảng đoàn): là người đứng đầu và tập thể thường trực của tổ chức.

b) Bước 2: Căn cứ số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện và danh sách nhân sự đã thông qua ở bước 1, người đứng đầu trao đổi định hướng nhân sự bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử phù hợp với yêu cầu của địa phương, đơn vị để hội nghị thảo luận và tiến hành giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín (*kết quả kiểm phiếu không công bố tại hội nghị này*).

- **Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn:** Mỗi thành viên giới thiệu 1 người cho một chức danh; người nào đạt số phiếu đồng ý cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn tất cả người có số phiếu giới thiệu đạt từ 30% trở lên để giới thiệu ở bước tiếp theo. Trường hợp không có người đạt số phiếu 30% trở lên thì không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

- **Thành phần tham dự:**

+ Ở cấp Thành phố là Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố.

+ Ở các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị trực thuộc Thành phố: là tập thể lãnh đạo mở rộng, gồm: cấp trưởng, cấp phó, tập thể đảng ủy cơ quan, đơn vị; cấp trưởng các phòng, ban và tương đương, cấp trưởng các đơn vị trực thuộc; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy (đối với trường hợp kiện toàn các chức danh Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy).

+ Ở Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố và các ban Hội đồng nhân dân Thành phố: là tập thể lãnh đạo mở rộng gồm Đảng đoàn, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố; trưởng các ban Hội đồng nhân dân Thành phố, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; tập thể đảng ủy cơ quan.

+ Ở quận, huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Thành ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và các tổ chức hội ở Thành phố: là ban chấp hành; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra quận, huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Thành ủy (đối với trường hợp kiện toàn Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra cấp ủy).

+ Ở các trường đại học, cao đẳng trực thuộc Thành phố: là tập thể đảng ủy, chủ tịch hội đồng trường (nếu có), hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng; cấp trưởng các phòng, ban và tương đương, cấp trưởng các đơn vị trực thuộc và trưởng các tổ chức đoàn thể.

c) **Bước 3:** Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, hội nghị tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- **Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn:** Mỗi thành viên giới thiệu 1 người cho một chức danh trong số nhân sự được giới thiệu ở bước 2 hoặc giới thiệu người khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định. Người nào đạt số phiếu cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn tất cả người có số phiếu giới thiệu đạt từ 30% trở lên để giới thiệu ở bước tiếp theo (*kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị này*). Trường hợp không có người đạt số phiếu từ 30% trở lên thì không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

Trường hợp nhân sự giới thiệu ở bước này khác với nhân sự được giới thiệu ở bước 2 thì tập thể lãnh đạo họp, thảo luận, phân tích kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt, xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự để giới thiệu ở bước tiếp theo (bằng phiếu kín) theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Người được lựa chọn phải có số phiếu giới thiệu ít nhất 2/3 trở lên của tổng số thành viên tập thể lãnh đạo được triệu tập. Trường hợp không có người đạt số phiếu ít nhất 2/3 thì không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

- Thành phần tham dự:

- + Ở cấp Thành phố là Ban Thường vụ Thành ủy.
- + Ở các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị trực thuộc Thành phố: là cấp trưởng, cấp phó cơ quan, đơn vị và người đứng đầu cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ (để chuẩn bị nội dung và báo cáo).
- + Ở Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố và các ban Hội đồng nhân dân Thành phố: là tập thể Đảng đoàn và Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.
- + Ở quận, huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Thành ủy: là tập thể ban thường vụ quận, huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Thành ủy.
- + Ở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị-xã hội, các hội (có thành lập đảng đoàn) cấp Thành phố: là tập thể đảng đoàn và người đứng đầu.
- + Ở Thành đoàn Hà Nội: là tập thể Ban Thường vụ Thành đoàn.
- + Ở các trường đại học, cao đẳng trực thuộc Thành phố: chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng trường (nếu có), hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng và người đứng đầu cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ (để chuẩn bị nội dung và báo cáo).
- + Ở các tổ chức hội (không thành lập đảng đoàn): là người đứng đầu và tập thể thường trực của tổ chức.

d) Bước 4: Tổ chức lấy ý kiến giới thiệu nhân sự theo danh sách đã được giới thiệu ở bước 3 (*kết quả kiểm phiếu không công bố tại hội nghị này*):

- Trình tự lấy ý kiến:

+ Thông báo danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 3; tóm tắt lý lịch, quá trình học tập, công tác; đánh giá, nhận xét ưu, khuyết điểm, triển vọng phát triển và dự kiến lĩnh vực phân công công tác.

+ Ghi phiếu giới thiệu nhân sự (có thể ký hoặc không ký tên).

- Thành phần tham dự:

+ Ở cấp Thành phố là các đồng chí Thành ủy viên; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố; Phó trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố chuyên trách; trưởng các ban Đảng và Văn phòng Thành ủy; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, trưởng các đoàn thể chính trị-xã hội Thành phố; cấp trưởng các sở, ban, ngành và tương đương; bí thư cấp ủy các đảng bộ trực thuộc Thành ủy; chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã.

+ Ở các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị trực thuộc Thành phố: là cấp trưởng, cấp phó sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị; đảng ủy cơ quan; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy (đối với trường hợp kiện toàn chức danh Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy), trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; trưởng các đoàn thể và bí thư các chi bộ của cơ quan sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị. (*Trong trường hợp văn bản pháp luật chuyên ngành có yêu cầu thành phần gồm cấp trưởng các đơn vị chuyên môn thuộc quận, huyện, thị xã thì các sở, ban, ngành Thành phố mời trưởng phòng chuyên ngành ở quận, huyện, thị xã tham dự*).

+ Ở Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố và các ban Hội đồng nhân dân Thành phố: là tập thể Đảng đoàn, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố; cấp trưởng, cấp phó các ban Hội đồng nhân dân Thành phố, Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố; tập thể đảng ủy cơ quan và bí thư các chi bộ trực thuộc; trưởng các tổ chức đoàn thể cơ quan.

+ Ở các quận, huyện, thị ủy: là các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ, chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; trưởng các phòng, ban và tương đương, cấp trưởng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp quận, huyện, thị xã; bí thư các đảng bộ, chi bộ trực thuộc quận, huyện, thị ủy; chủ tịch Hội đồng nhân dân các xã, thị trấn thuộc huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trực thuộc quận, huyện, thị xã; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra quận, huyện, thị ủy (đối với trường hợp kiện toàn Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra cấp ủy).

+ Ở đảng ủy khối, đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy (bao gồm cả các đảng ủy trong doanh nghiệp nhà nước): là các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ; thành viên hội đồng quản trị (hội đồng thành viên), ban giám đốc, cấp trưởng, cấp phó cơ quan chuyên môn cùng cấp; trưởng các phòng, ban và tương đương của cơ quan; cấp trưởng các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp; bí thư các đảng bộ, chi bộ trực thuộc; chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc các doanh

nghiệp thành viên có vốn nhà nước hoặc vốn tổng công ty chi phối; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra đảng ủy trực thuộc Thành ủy (đối với trường hợp kiện toàn Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra cấp ủy).

+ Ở đảng ủy cấp trên cơ sở trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trực thuộc Thành ủy: là các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ; cấp trưởng các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp; bí thư các đảng bộ, chi bộ trực thuộc; chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc các doanh nghiệp thành viên có vốn tổng công ty chi phối.

+ Ở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức hội ở Thành phố: là tập thể đảng đoàn, đảng ủy cơ quan, Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; ủy viên ban chấp hành các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức hội; trưởng, phó các ban (phòng), trưởng các đoàn thể của cơ quan; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc.

+ Ở các trường đại học, cao đẳng trực thuộc Thành phố: là tập thể đảng ủy, chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng trường (nếu có), hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng; trưởng, phó các phòng, ban; trưởng các đoàn thể và bí thư các chi bộ; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc.

đ) Bước 5: Trên cơ sở ý kiến đánh giá, nhận xét (bằng văn bản) của ban thường vụ đảng ủy (đảng ủy cơ quan đối với những nơi không có ban thường vụ); kết quả lấy phiếu ở các hội nghị; kết quả xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (nếu có) đối với nhân sự; tập thể lãnh đạo thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (*Kết quả kiểm phiếu được ghi thành biên bản, phải công bố tại hội nghị này*).

- Nguyên tắc lựa chọn:

+ Người đạt số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu so với tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn giới thiệu, bổ nhiệm. Trường hợp 2 người có số phiếu ngang nhau đạt tỉ lệ 50% thì người đứng đầu xem xét, lựa chọn nhân sự để trình, đồng thời báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

+ Cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và người đứng đầu chịu trách nhiệm về đánh giá, nhận xét, đề xuất, lựa chọn, giới thiệu nhân sự bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử.

- Thành phần tham dự:

+ Ở cấp Thành phố là Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố (riêng với trường hợp kiện toàn Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thì thành phần hội nghị là Ban Thường vụ Thành ủy).

+ Ở các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị: là cấp trưởng, cấp phó cơ quan, đơn vị và người đứng đầu cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ (để chuẩn bị và báo cáo).

+ Ở Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố và các ban Hội đồng nhân dân Thành phố: là tập thể Đảng đoàn và Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

+ Ở quận, huyện, thị ủy; đảng ủy trực thuộc Thành ủy: là ban chấp hành. (riêng với trường hợp kiện toàn Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thì thành phần hội nghị là ban thường vụ quận, huyện, thị ủy).

+ Ở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố: là tập thể đảng đoàn và ban thường trực.

+ Ở các đoàn thể chính trị-xã hội Thành phố, các tổ chức hội: là ban chấp hành.

+ Ở các trường đại học, cao đẳng trực thuộc Thành phố: chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng trường (nếu có), hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng và người đứng đầu cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ (để chuẩn bị và báo cáo).

*** Lưu ý:**

- Từng hội nghị chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt và kết quả phiếu giới thiệu được tính trên tổng số người được triệu tập của hội nghị.

- Đối với các chức danh, chức vụ có quy định riêng của Trung ương hoặc văn bản pháp luật chuyên ngành điều chỉnh thì thực hiện quy trình theo văn bản của Trung ương hoặc văn bản pháp luật chuyên ngành.

II. ĐỐI VỚI NGUỒN NHÂN SỰ TỪ NƠI KHÁC

1. Chủ trương về công tác cán bộ

1.1. Tập thể lãnh đạo địa phương, cơ quan, đơn vị thảo luận, thống nhất, có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền (nêu tại Mục I của Phụ lục này) hoặc cơ quan có thẩm quyền chủ động trình Thường trực Thành ủy đề xuất chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn nhân sự ngoài địa phương, cơ quan, đơn vị.

1.2. Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy có chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn nhân sự ngoài địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Đề xuất nhân sự cụ thể

2.1. Trường hợp nhân sự do địa phương, cơ quan, đơn vị đề xuất hoặc Ban Tổ chức Thành ủy giới thiệu.

Sau khi có chủ trương của Thường trực Thành ủy; người đứng đầu, các thành viên lãnh đạo địa phương, cơ quan, đơn vị đề xuất nhân sự hoặc Ban Tổ chức Thành ủy giới thiệu nhân sự. Tập thể lãnh đạo địa phương, cơ quan, đơn vị thảo luận, thống nhất về chủ trương và phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy (cơ quan chủ trì) tiến hành một số công việc sau:

- **Bước 1:** Ban Tổ chức Thành ủy trao đổi với tập thể lãnh đạo nơi dự kiến tiếp nhận cán bộ, nếu nhân sự do Ban Tổ chức Thành ủy giới thiệu.

- **Bước 2:** (1) Phối hợp với tập thể lãnh đạo nơi dự kiến tiếp nhận cán bộ trao đổi ý kiến với tập thể lãnh đạo (ban thường vụ quận, huyện, thị ủy, đảng ủy trực

thuộc Thành ủy; tập thể lãnh đạo sở, ban, ngành) nơi cán bộ đang công tác về chủ trương xin tiếp nhận cán bộ (người được giới thiệu phải đạt số phiếu tỉ lệ trên 50% so với tổng số người được triệu tập; trường hợp số phiếu đạt tỉ lệ 50% (không quá bán) thì do người đứng đầu xem xét, quyết định); (2) Lấy nhận xét, đánh giá của tập thể lãnh đạo đối với cán bộ và hồ sơ cán bộ theo quy định; (3) Gặp cán bộ được đề nghị tiếp nhận để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

- **Bước 3:** Lập tờ trình đề nghị Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định.

2.2. Trường hợp nhân sự do Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy dự kiến điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn nhân sự ngoài địa phương, cơ quan, đơn vị

Sau khi có chủ trương của Thường trực Thành ủy, Ban Tổ chức Thành ủy tiến hành một số công việc sau:

- **Bước 1:** Trao đổi ý kiến với tập thể lãnh đạo địa phương, cơ quan, đơn vị dự kiến tiếp nhận cán bộ về chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử.

- **Bước 2:** (1) Trao đổi ý kiến với tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động cán bộ (người được giới thiệu phải đạt số phiếu tỉ lệ trên 50% so với tổng số người được triệu tập; trường hợp số phiếu đạt tỉ lệ 50% (không quá bán) thì do người đứng đầu xem xét, quyết định); (2) Lấy nhận xét, đánh giá của tập thể lãnh đạo và cấp uỷ đối với cán bộ; (3) Gặp cán bộ được dự kiến điều động để trao đổi ý kiến về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

- **Bước 3:** Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự và lập tờ trình báo cáo Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định.

2.3. Trường hợp nhân sự dự kiến điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn nhân sự đang công tác tại các bộ, ban, ngành Trung ương hoặc từ tỉnh, thành phố khác.

Sau khi có chủ trương của Thường trực Thành ủy, Ban Tổ chức Thành ủy (nếu cán bộ dự kiến tiếp nhận về các cơ quan khối Đảng, đoàn thể Thành phố) hoặc Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố (nếu cán bộ dự kiến tiếp nhận về các cơ quan chính quyền Thành phố) tiến hành một số công việc sau:

- **Bước 1:** Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ về chủ trương và nhân sự dự kiến điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

- **Bước 2:** (1) Tham mưu văn bản của Ban Thường vụ Thành ủy hoặc Ủy ban nhân dân Thành phố trao đổi, xin ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương tiếp nhận cán bộ; (2) Lấy nhận xét, đánh giá của tập thể lãnh đạo đối với cán bộ và hồ sơ nhân sự theo quy định; (3) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

- **Bước 3:** Ban Tổ chức Thành ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự và lập tờ trình báo cáo Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định.

Trường hợp cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định nhưng địa phương, cơ quan, đơn vị (nơi cán bộ công tác hoặc nơi tiếp nhận cán bộ) hoặc cán bộ còn có ý kiến khác nhau, chưa thống nhất thì Ban Tổ chức Thành ủy báo cáo đầy đủ các ý kiến và trình Thường trực, Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định thẩm quyền.

B. THẨM ĐỊNH, XÉT DUYỆT ĐỐI VỚI NHÂN SỰ THUỘC DIỆN THÀNH ỦY, BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY QUYẾT ĐỊNH

I. Đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp Thành phố

Căn cứ kết quả biểu quyết giới thiệu nhân sự của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố (đối với chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy), của Ban Thường vụ Thành ủy (đối với chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố), Ban Thường vụ Thành ủy giao Ban Tổ chức Thành ủy tiến hành thẩm định tiêu chuẩn chính trị, lập hồ sơ nhân sự và tờ trình để Ban Thường vụ Thành ủy:

- Báo cáo, đề nghị Ban Bí thư xem xét, quyết định chỉ định đối với nhân sự kiện toàn chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố.

- Báo cáo, xin ý kiến thẩm định của các ban Đảng Trung ương đối với nhân sự kiện toàn chức danh Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Căn cứ ý kiến thẩm định của các ban Đảng Trung ương:

+ Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố xem xét, quyết định bầu cử bổ sung Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy theo Quy chế Bầu cử trong Đảng và báo cáo Ban Bí thư chuẩn y.

+ Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định giới thiệu nhân sự ứng cử chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố để Hội đồng nhân dân Thành phố bầu. Căn cứ kết quả bầu cử, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố gửi hồ sơ kết quả bầu để Ủy ban Thường vụ Quốc hội (đối với chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố) hoặc Thủ tướng Chính phủ (đối với chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố) phê chuẩn theo quy định.

II. Đối với các chức danh Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy

1. Căn cứ kết quả thực hiện quy trình công tác cán bộ, Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, biểu quyết bằng phiếu kín về nhân sự được giới thiệu ứng cử; trình xin ý kiến Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Sau khi được Ủy ban Kiểm tra Trung ương đồng ý thì trình Thành ủy bầu đối với chức danh Ủy viên, Chủ nhiệm

Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, hoặc thông báo kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy để Ủy ban Kiểm tra Thành ủy bầu đối với chức danh Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy.

2. Căn cứ kết quả bầu cử Ủy viên, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy xây dựng tờ trình, báo cáo đề nghị Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Bí thư Trung ương Đảng chuẩn y.

III. Đối với các chức danh cán bộ công tác ở địa phương, cơ quan, đơn vị

Các cấp ủy, cơ quan, đơn vị làm tờ trình đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử gửi Ban Thường vụ Thành ủy thì đồng thời gửi hồ sơ nhân sự cho Ban Tổ chức Thành ủy để thẩm định.

1. Hồ sơ nhân sự: Danh mục hồ sơ nhân sự thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau:

(1). Tờ trình và Biên bản kiểm phiếu ở các bước.

(2). Sơ yếu lý lịch 2C theo quy định hiện hành do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4x6 và đóng dấu.

(3). Đánh giá, nhận xét 3 năm gần nhất của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, về: (1) Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; trong đó, thể hiện rõ trong quá trình công tác nhân sự có sản phẩm cụ thể, thành tích công tác, hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có). (3) Uy tín và triển vọng phát triển.

(4). Đánh giá, nhận xét của chi bộ, đảng ủy cơ quan nơi công tác.

(5). Nhận xét của cấp ủy nơi cư trú đối với bản thân và gia đình cán bộ.

(6). Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo Quy định của Bộ Chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

(7). Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành (có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định).

(8). Bản sao các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị...(có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền). Nếu văn bằng, chứng chỉ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp ngoài lãnh thổ Việt Nam thì phải được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền của Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

(9). Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp.

(10). Bản sao: Lý lịch của người xin vào Đảng, Lý lịch đảng viên, Lý lịch cán bộ, công chức (nếu bổ nhiệm lần đầu).

(Các tài liệu nêu tại Mục 2, 3, 4, 5, 7, 9 không quá 6 tháng tính đến thời điểm xem xét)

Không quá **05** ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ nhân sự theo đúng quy định, Ban Tổ chức Thành ủy trao đổi với đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy phụ trách đơn vị có nhân sự đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử; nghiên cứu, thẩm định, tổng hợp báo cáo Thường trực Thành ủy (theo lịch họp của Thường trực Thành ủy) về nhân sự và kết quả thực hiện quy trình bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, đồng thời xin ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan về nhân sự (nêu tại Điểm 2 dưới đây).

2. Ban Tổ chức Thành ủy xin ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan về nhân sự các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quyết định:

- Ủy ban Kiểm tra Thành ủy: đối với tất cả các nhân sự được đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử.

- Ban Nội chính Thành ủy: đối với tất cả các nhân sự được đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử.

- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân Thành phố: đối với nhân sự bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu ứng cử các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý trong phạm vi phụ trách (nêu tại Điểm 1.2, Khoản 1, Điều 9 Quy định này).

- Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố: đối với nhân sự được đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu ứng cử các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý trong phạm vi phụ trách (nêu tại Điểm 2.2, Khoản 2, Điều 9 Quy định này).

* Đối với nhân sự cụ thể do Đảng Đoàn Hội đồng nhân dân Thành phố, Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất. Sau khi thực hiện quy trình nhân sự và thẩm định nếu đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định thì Ban Tổ chức Thành ủy không phải xin ý kiến lại.

Trong thời hạn **10** ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu, các cơ quan xem xét, thẩm định nhân sự và cho ý kiến (bằng văn bản) gửi lại Ban Tổ chức Thành ủy. Quá thời hạn trên, nếu không có ý kiến trả lời thì được coi như đồng ý với đề nghị bổ nhiệm. Nếu vì lý do khách quan cần thêm thời gian để xem xét, xác minh về nhân sự thì các cơ quan thông báo để Ban Tổ chức Thành ủy biết, theo dõi nhưng thời hạn cũng không quá **15** ngày.

Ban Tổ chức Thành ủy và các cơ quan liên quan thẩm định nhân sự theo chức năng, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về ý kiến thẩm định, đề xuất của mình.

3. Không quá **05** ngày làm việc, Ban Tổ chức Thành ủy thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ nhân sự, tổng hợp đầy đủ các ý kiến về nhân sự và báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy về đề nghị bổ nhiệm, ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan và đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy.

4. Ban Tổ chức Thành uỷ trình Ban Thường vụ Thành uỷ xem xét, quyết định.

Ban Thường vụ Thành uỷ họp, xem xét, biểu quyết bằng phiếu kín. Nếu nhân sự được đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử đạt số phiếu đồng ý trên 50% số phiếu biểu quyết của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành uỷ dự họp thì được lựa chọn (kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị).

Trong trường hợp Ban Thường vụ Thành uỷ không tổ chức họp, nếu thấy cần thiết và được Thường trực Thành uỷ đồng ý, Ban Tổ chức Thành uỷ gửi xin ý kiến các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành uỷ bằng văn bản (kèm theo phiếu biểu quyết) về việc bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

5. Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày Ban Thường vụ Thành uỷ có thông báo kết luận về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu cán bộ ứng cử, Ban Tổ chức Thành uỷ dự thảo văn bản (quyết định hoặc thông báo, công văn) về công tác cán bộ, trình Thường trực Thành uỷ ký để thực hiện việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu cán bộ ứng cử theo đúng quy định của Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và các tổ chức khác.

PHỤ LỤC 3
QUY TRÌNH XEM XÉT MIỄN NHIỆM, CHO TỪ CHỨC VÀ BỐ TRÍ
CÁN BỘ THUỘC DIỆN BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY QUẢN LÝ
SAU KHI MIỄN NHIỆM, TỪ CHỨC
(Kèm theo Quy định số 12-QĐ/TU, ngày 08/5/2023 của Thành ủy Hà Nội)



I. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XEM XÉT MIỄN NHIỆM, CHO TỪ CHỨC

1. Khi có đủ căn cứ miễn nhiệm, từ chức, chậm nhất trong thời gian 10 ngày làm việc thì cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy trao đổi với cán bộ và đề xuất Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định. Hồ sơ gồm:

- (1). Tờ trình đề nghị xem xét miễn nhiệm, cho từ chức cán bộ.
- (2). Quyết định, kết luận, thông báo, ý kiến của cơ quan có thẩm quyền, biên bản hội nghị, đơn của cán bộ xin từ chức và các tài liệu liên quan.

2. Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, cho từ chức trong thời gian 10 ngày làm việc; trường hợp cần thiết vì lý do khách quan thì có thể kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

3. Căn cứ quyết định (thông báo) của Ban Thường vụ Thành ủy, các cơ quan liên quan thực hiện quy trình, thủ tục theo quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước, điều lệ, quy chế hoạt động của từng tổ chức.

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC BỐ TRÍ CÁN BỘ SAU KHI MIỄN NHIỆM, TỪ CHỨC

1. Đối với cán bộ tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi hoặc xin nghỉ công tác

- Cán bộ làm đơn gửi tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị đang sử dụng cán bộ.
- Tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ đang công tác họp, cho ý kiến và gửi văn bản báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy (qua Ban Tổ chức Thành ủy).
- Ban Tổ chức Thành ủy tổng hợp trình Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định; các cơ quan chức năng thực hiện thủ tục theo quy định.

2. Đối với cán bộ có nguyện vọng tiếp tục công tác

- Ban Tổ chức Thành ủy trao đổi với cán bộ; trao đổi với người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác về thực hiện chủ trương bố trí cán bộ.
- Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm trao đổi với cán bộ; báo cáo tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ đang công tác để cho ý kiến và gửi văn bản báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy (qua Ban Tổ chức Thành ủy).
- Trên cơ sở ý kiến của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, Ban Tổ chức Thành ủy lấy ý kiến (bằng văn bản) của Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, Ban Nội chính Thành ủy và các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan; tổng hợp ý kiến các cơ quan, trình Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định; các cơ quan chức năng thực hiện thủ tục theo quy định.

